

.....  
Bản án số: 11/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 10 tháng 6 năm 2020  
“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hiền Hòa**

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Trần Ngọc Thịnh  
- Bà Vũ Thị Kim Thái

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:*  
- Bà Nguyễn Huyền Trang - *Kiểm sát viên*

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con” - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L;** sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Số 100 phố B, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội; hiện ở tại: Số 67 T, phường N, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa - (Có mặt)

**\* Bị đơn: Anh Trần Duy C;** sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: Số 100 phố B, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2, thôn Đ, xã T, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

(Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo Đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày:**

**Quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Trần Duy C biết nhau thông qua một người bạn của chị giới thiệu vào cuối năm 2008. Sau khoảng một tháng khi hai người tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức Lễ cưới cho anh chị vào đầu tháng 2/2009. Đến ngày 09/02/2009 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, anh chị sống tại số 100 phố B, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ anh C.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2009 thì chị phát hiện anh C buôn bán hàng cấm là chất ma túy. Khi chị biết anh C bán ma túy, đã nhiều lần chị khuyên anh C từ bỏ để kiếm việc làm lương thiện nhưng anh C vẫn không thay đổi. Từ đó dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh C đánh chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do không chịu được việc anh C đánh chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để ở. Từ khi chị bỏ về nhà ngoại ở, anh C có về Thanh Hóa đón chị lên Hà Nội để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng chỉ được một vài hôm thì chị lại phát hiện anh C vẫn tiếp tục bán ma túy, nên vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn đánh, cãi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã bỏ về quê ở từ khoảng giữa năm 2010, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Đến năm 2017 chị biết tin anh Trần Duy C bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện nay anh C đang thi hành án tại phân trại số 2 thôn Đ, xã T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Nay, chị thấy tình cảm giữa chị và anh C không còn, vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm, để giải phóng cho cả hai bên, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh C.

**Con chung:** Chị và anh C có một con tên là Trần Kiều M, sinh ngày 28/7/2010.

Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

**Tài sản chung:**

+ Động sản và bất động sản: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Các khoản nợ: Vợ chồng chị không nợ ai, không ai nợ vợ chồng chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn - anh Trần Duy C trình bày:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, cho anh Trần Duy C tại phân trại số 2, thôn Đ, xã T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2020 tại phân trại số 2, thôn Đ, xã T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, anh C trình bày:

**Quan hệ hôn nhân:** Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn, anh và chị Nguyễn Thị L về sống tại số 100 phố B, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ đẻ anh.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh thường xuyên đi làm xa nhà, không có thời gian để vợ chồng gần gũi, quan tâm đến nhau. Đến khoảng giữa năm 2010 chị L bỏ về nhà ngoại tại Thanh Hóa để ở, không quay lại nhà anh ở nữa. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Khoảng tháng 10 năm 2015 thì anh bị Công an tỉnh Quảng Ninh bắt và bị Tòa án tỉnh Quảng Ninh xử 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy”. Hiện anh đang chấp hành án tại phân trại số 2 thôn Đ, xã T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đến nay, trước yêu cầu xin ly hôn của chị L, anh thấy tình cảm giữa anh và chị L không còn nên anh đồng ý thuận ly hôn với chị L để giải phóng cả hai bên.

**Con chung:** Anh và chị L có một con tên là Trần Kiều M, sinh ngày 28/7/2010.

Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị L nuôi con, hiện anh đang chấp hành án nên không có điều kiện cấp dưỡng tiền nuôi con.

**Tài sản chung:**

+ Động sản và bất động sản: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Các khoản nợ: Vợ chồng anh không nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - chị L vẫn giữ nguyên các yêu cầu đã trình bày trên.

Bị đơn - anh C đồng ý ly hôn, nhưng anh C đang chấp hành án tại phân trại số 2, thôn Đ, xã T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh nên đề nghị Tòa xét xử vắng mặt.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:**

- Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến độ giải quyết vụ án và thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu; Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Duy C. Về con chung anh C và chị L có 01 con chung tên là Trần Kiều M, sinh ngày 28/7/2010. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị, sau khi ly hôn chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, kể từ tháng 6/2020 đến năm cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tài sản chung: Động sản và bất động sản anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của đại diện Viện kiểm sát, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

**[1]. Về tố tụng:**

**1.1. Về thẩm quyền giải quyết:** Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Trần Duy C. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Duy C hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, thôn Đ, xã T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, tuy nhiên trước khi chấp hành án, anh C có hộ khẩu thường trú và ở tại số 100 phố B, phường B, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**1.2 Về trình tự tố tụng:** Đối với bị đơn anh Trần Duy C hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, thôn Đ, xã T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và đề nghị Toà xét xử vắng mặt anh C.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của pháp luật.

**[2]. Về nội dung:**

**2.1 Quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Duy C kết hôn tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Thành phố Hà Nội ngày 09/02/2009. Anh chị có một con chung. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc do anh C bán ma túy, chị L đã khuyên giải nhưng anh C không từ bỏ mà vẫn bán ma túy. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2010, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Năm 2015 anh C bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh kết án 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện anh C đang chấp hành án tại phân trại số 2, thôn Đ, xã T, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh cho đến nay.

**Xét thấy:** mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của hai bên. Chị L xin ly hôn, anh C cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh C là phù hợp với Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**2.2 Về con chung:** Anh chị có một con chung là Trần Kiều M; sinh ngày 28/7/2010. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận để chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M.

Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì hiện anh C đang chấp hành án không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của của đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án không xét. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**2.3 Về tài sản chung:** Động sản và bất động sản, anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét. Các khoản nợ, anh chị đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

**[3]. Về án phí:** Chị L phải chi án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

**\* Vì các lẽ trên,**

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTƯQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1. Quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Duy C.

**2. Con chung:** Anh chị có một con chung là Trần Kiều M; sinh ngày 28/7/2010.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Trần Duy C, Sau khi ly hôn, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Kiều M, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

### **3. Tài sản chung:**

+ Động sản và bất động sản: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

+ Các khoản nợ: Anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

**4. Án phí:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai số 0017551 ngày 25/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

**5. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm. Chị L có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSNDQ Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự Q. Hoàn Kiếm;
- UBND P. Phúc Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hiền Hòa**